

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2020/HNGĐ-ST

Ngày 08 tháng 5 năm 2020.

V/v tranh chấp hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Ngô Biên Cương
2. Ông Lý Đình Đạt

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 05 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2020/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2020 về việc Tranh chấp hôn nhân gia đình. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2020/QĐXX-ST ngày 20 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thương H, sinh năm 1997 (vắng mặt)

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Chàng 1, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

-Bị đơn: Anh Phạm Văn T, sinh năm 1994 (vắng mặt)

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn C, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Địa chỉ hiện nay: Phòng 102, nhà S, khu 2106 tổ 2 I, thành phố N, tỉnh A, Nhật Bản.

Ủy quyền cho bà Trần Thị X, sinh năm 1971; Địa chỉ: Thôn C, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang (nhận các văn bản tố tụng của Tòa án).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 16/9/2019 và bản tự khai ngày 27/02/2020 nguyên đơn

chị Nguyễn Thị Thương H trình bày:

Chị và anh Phạm Văn T đăng ký kết hôn ngày 27/12/2018 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Trước khi đăng ký kết hôn vợ chồng có được tự nguyện tìm hiểu và không bị ai ép buộc. Gia đình hai bên cũng chưa tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng chưa sống chung vì chỉ sau 3 ngày sau anh T tiếp tục đi Nhật Bản xuất khẩu lao động luôn và chị vẫn sống tại nhà đẻ tại thôn Chàng 1, thị trấn Lục Nam, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Thời gian đầu anh T vẫn liên lạc với chị và hỏi han quan tâm. Tuy nhiên do khoảng cách địa lý và ít nói chuyện nên anh chị không hiểu nhau, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Từ khoảng tháng 1/2019 đến nay vợ chồng chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, kinh tế. Đến nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng chị chưa có con chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, riêng, công nợ: Vợ chồng chị không có gì nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị H còn trình bày tại đơn đề nghị giám định ngày 15/01/2020. Chị và anh T đã liên lạc được với nhau, anh T đồng ý việc ly hôn giữa chị và anh nên có gửi giấy tờ gồm bản tự khai, đơn xét xử vắng mặt về cho chị các giấy tờ này anh T đều ký tên và điểm chỉ và ngày 15 tháng 01 năm 2020, chị có giao nộp cho Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang Bản tự khai và Đơn xin hòa giải, xét xử vắng mặt đều đề ngày 20/12/2019 của anh Phạm Văn T và đề nghị giám định chữ ký và dấu vân tay của anh T trong đơn chị nộp cho Tòa án.

Tại Bản tự khai đề ngày 20/12/2019 (có chữ ký và dấu vân tay của anh Phạm Văn T - Bút lục 26), bị đơn anh Phạm Văn T trình bày: Anh và chị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 27/12/2018 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Quá trình chung sống hòa thuận cho đến khi phát sinh mâu thuẫn vào ngày 02/02/2019. Nguyên nhân do vợ chồng không hiểu nhau và bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Vợ chồng chưa từng ly thân, tuy nhiên tình trạng hiện nay không thể hòa giải và khắc phục, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn và tiếp tục chung sống. Nay chị H xin ly hôn với anh thì anh đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng anh chưa có con chung.

Về tài sản chung, riêng, công nợ: Vợ chồng anh không có.

Ngoài ra, Tại đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 20/12/2019 (có chữ ký và dấu vân tay của anh Phạm Văn T - Bút lục 27), anh Phạm Văn T trình bày: Hiện nay anh đang đi làm ăn xa, do anh không thể sắp xếp được công việc nên anh xin được vắng mặt tại các buổi làm việc, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các

phiên tòa xét xử vụ án. Anh ủy quyền cho mẹ anh là bà Trần Thị X, sinh năm 1971, Địa chỉ: Thôn C, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và thông báo cho anh được biết.

Ngày 15/01/2020, chị Nguyễn Thị Thương H có đơn đề nghị giám định chữ viết và vân tay tại Bản tự khai và Đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 20/12/2019 của anh Phạm Văn T gửi về để có căn cứ xác định chữ viết và vân tay này đúng là của anh Phạm Văn T.

Ngày 18/02/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang ra Quyết định trưng cầu giám định số 02/2020/QĐ-TCGD trưng cầu giám định chữ viết “T, Phạm Văn T” và dấu vân tay theo đề nghị của chị H tại Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Bắc Giang.

Tại Kết luận giám định số 268/KLGD- KTHS ngày 05/3/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Bắc Giang đã kết luận: Các dấu vết đường vân tay màu đỏ dưới dòng chữ “Ngón trỏ trái” trên các tài liệu cần giám định so với dấu vết đường vân tay tại ô “Trỏ trái” trên bản photo copy chỉ bản đường vân tay mười ngón đề ngày 05/4/2011 của Phạm Văn T do Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội- Công an tỉnh Bắc Giang cung cấp **là của cùng một người**. Các dấu vết đường vân tay màu đỏ dưới dòng chữ “Ngón trỏ phải” trên các tài liệu cần giám định so với dấu vết đường vân tay tại ô “Trỏ phải” trên bản photo copy chỉ bản đường vân tay mười ngón đề ngày 05/4/2011 của Phạm Văn T do Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Công an tỉnh Bắc Giang cung cấp **là của cùng một người**.

Tại Biên bản xác minh ngày 10/3/2020 (bút lục 49), bà Trần Thị Xuân là mẹ của anh Phạm Văn T trình bày: Bà đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án số 05 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang về việc thụ lý vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa chị Nguyễn Thị Thương H và anh Phạm Văn T. Bà đã thông báo lại cho anh Phạm Văn T. Tại buổi làm việc, Tòa án có thông báo cho bà về kết luận giám định của phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Bắc Giang về việc giám định chữ ký và dấu vân tay tại Bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt của anh Phạm Văn T gửi cho Tòa án thông qua chị H đúng là dấu vân tay của anh T. Bà là mẹ đẻ của anh Phạm Văn T. Hiện nay anh T đang sinh sống và làm việc tại Nhật Bản. Anh T có viết bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt gửi cho Tòa án. Trong đơn anh T có ủy quyền cho bà đại diện cho anh T nhận các văn bản tố tụng của Tòa án cho đến khi giải quyết xong vụ án. Bà hoàn toàn đồng ý nhận ủy quyền của anh T để nhận các văn bản tố tụng của Tòa án cho đến khi giải quyết xong vụ án và bà sẽ chịu trách nhiệm thông báo lại ngay cho anh T về các văn bản của Tòa án thông qua điện thoại.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thương H vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Phạm Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày

20/12/2019.

Do các đương sự xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự. Thông qua đơn khởi kiện, bản tự khai của chị H, bản tự khai, đơn xin vắng mặt của anh Phạm Văn T, tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã thu thập được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự: đối với nguyên đơn, bị đơn có lời khai, có đơn xin xét xử vắng mặt chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1, Điều 28, khoản 3 Điều 35; Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 161, Điều 271, Điều 273; Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thương H. Xử cho chị Nguyễn Thị Thương H được ly hôn anh Phạm Văn T.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thương H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thương H, bị đơn anh Phạm Văn T đều có đơn xin xét xử vắng mặt (đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 20/12/2019 của anh Phạm Văn T đã được giám định. Theo Kết luận giám định số 268/KLGD- KTHS ngày 05/3/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Bắc Giang). Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị H, anh T.

[2]. Về thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị Thương H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Chàng 1, thị trấn Lục Nam, huyện L, tỉnh Bắc Giang, chị H có đơn khởi kiện xin ly hôn anh Phạm Văn T, đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Thôn C, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Hiện anh T đang lao động tại Nhật Bản (địa chỉ cụ thể: Phòng 102, nhà S, khu 2106 tổ 2 I, thành phố N, tỉnh A, Nhật Bản). Ngày 11/12/2019, Cục quản lý xuất nhập cảnh của Bộ Công an đã có công căn số

20154/QLXNC-P5 cung cấp: Phạm Văn T, sinh ngày 21/01/1994 đã xuất nhập cảnh nhiều lần, lần xuất cảnh gần nhất là ngày 06/01/2019, chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Như vậy, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình có đương sự ở nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thương H và anh Phạm Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 27/12/2018 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Đây là hôn nhân hợp pháp. Theo chị H trình bày: Sau khi kết hôn, gia đình hai bên cũng chưa tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương, vợ chồng chưa sống chung vì chỉ sau 3 ngày sau anh T tiếp tục đi Nhật Bản xuất khẩu lao động luôn, chị vẫn sống tại nhà đẻ ở thôn Chàng 1, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Thời gian đầu anh T vẫn liên lạc với chị và hỏi han quan tâm. Tuy nhiên do khoảng cách địa lý và ít nói chuyện nên anh chị không hiểu nhau, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Từ khoảng tháng 1/2019 đến nay vợ chồng chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, kinh tế. Nên chị khởi kiện xin ly hôn anh Phạm Văn T.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thương H đối với anh Phạm Văn T. Hội đồng xét xử thấy: Sau khi chị H kết hôn với anh T, vợ chồng chưa chung sống cùng nhau, sau đó anh T tiếp tục đi lao động tại Nhật Bản, chị H vẫn sống ở nhà bố mẹ đẻ, vợ chồng ít liên lạc. Do khoảng cách địa lý nên không quan tâm nhau. Chị và anh T đã chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, kinh tế. Tại bản tự khai anh T cũng trình bày vợ chồng tình trạng hiện nay không thể hòa giải và khắc phục tình cảm, vợ chồng không thể hàn gắn, tiếp tục chung sống với nhau được. Nay chị H xin ly hôn thì anh đồng ý. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thương H, xử cho chị Nguyễn Thị Thương H được ly hôn anh Phạm Văn T.

[4]. Về con chung: Chị H và anh T đều xác định anh chị chưa có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị H và anh T đều xác định anh chị chưa có tài sản chung, công nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về chi phí giám định: Chi phí giám định hết số tiền 3.240.000 đồng, chị Nguyễn Thị Thương H xin chịu toàn bộ nên cần chấp nhận. Xác nhận chị H đã nộp đủ số tiền chi phí giám định 3.240.000 đồng.

[7]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thương H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5

Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng chị H đã nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

[8]. Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273, khoản 1 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; Điều 161; Điều 273; khoản 1 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thương H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thương H được ly hôn anh Phạm Văn T.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thương H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2018/0000544 ngày 8/01/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị H đã nộp đủ 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

3. Về chi phí giám định: Chị Nguyễn Thị Thương H phải chịu 3.240.000 đồng chi phí giám định. Xác nhận chị H đã nộp đủ số tiền 3.240.000 đồng.

4. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thương H vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Bị đơn anh Phạm Văn T hiện đang cư trú ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử TANDTC;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Hoàng Thị Thu Hiền

